TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2018/DS-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Thị Kim C**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Vườn Bưởi, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

- Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1976 (Có mặt)
- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Hà Thị Kim C trình bày:

Bà có cho ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H vay 02 lần tiền. Lần đầu cho vay số tiền 10.000.000 đồng vào khoảng đầu năm 2015, thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì 1 tháng tiền lãi là 40.000 đồng. Lần thứ hai cho ông K và bà H vay số tiền 10.000.000 đồng vào khoảng đầu tháng 5 hay tháng 6 năm 2015, thỏa thuận lãi suất

cứ 1.000.000đồng thì 1 tháng tiền lãi là 40.000đồng.

Tiền lãi bà H và ông K phải trả cho bà từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 8 năm 2016 là 11.800.000 đồng. Ông K và bà H đã trả cho bà 1.800.000 đồng tiền lãi vào tháng 8/2016. Còn 10.000.000 đồng tiền lãi, ông K và bà H nói bà C đi vay người khác để bù vào. Vì vậy, mới có văn bản chốt lại số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 6/2015 bà có nhận của ông Kiếm, bà H số tiền lãi là 2.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông K và bà H trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng ngày 20 tháng 8 năm 2016 đến ngày 20 tháng 9 năm 2018 với lãi suất tính là 0,9%/tháng/30.000.000 đồng, cụ thể được tính như sau: 30.000.000 đồng x 0,9% x 25 tháng = 6.750.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà yêu cầu ông Kiếm, bà H phải trả là 36.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn- ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:

Ông bà có vay tiền của bà C 02 lần, cụ thể: Lần đầu vay số tiền 10.000.000 đồng vào khoảng tháng 3 năm 2014 , thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì 1 tháng tiền lãi là 40.000 đồng. Lần thứ hai vay số tiền 10.000.000 đồng vào khoảng tháng 8 năm 2014, thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì 1 tháng tiền lãi là 40.000 đồng. Từ khi vay cho đến khoảng tháng 5 năm 2015, ông bà đã trả cho bà C tiền lãi được 03 lần với tổng số tiền là 14.000.000 đồng (Lần 1: 2.000.000 đồng; Lần 2: 8.000.000 đồng; Lần 3: 4.000.000 đồng). Từ khoảng tháng 5 năm 2015 đến tháng 8 năm 2016, số tiền lãi mà ông bà phải trả cho bà C là 11.800.000 đồng, ông bà đã trả cho bà C được số tiền lãi là 1.800.000 đồng, còn 10.000.000 đồng tiền lãi vợ chồng ông bà chưa trả. Vì vậy, ngày 20/8/2016, ông bà viết giấy chốt lại số tiền gốc còn nợ bà C là 30.000.000 đồng. Từ ngày 20 tháng 8 năm 2016 cho đến nay ông bà chưa trả cho bà C số tiền gốc và tiền lãi nào. Tất cả 04 lần trả tiền lãi trên cho bà Chi, ông bà không có viết biên nhận.

Nay bà C yêu cầu ông bà trả cho cho bà C số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng ngày 20 tháng 8 năm 2016 đến đến ngày 20 tháng 9 năm 2018 với lãi suất tính là 0,9%/tháng/30.000.000 đồng, cụ thể được tính như sau: 30.000.000 đồng x 0,9% x 25 tháng = 6.750.000 đồng. Ông bà có ý kiến như sau: Ông bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền gốc là 20.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2016 với lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Về pH thức trả thì ông bà chỉ đồng ý trả cho bà C mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam .

Chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim C. Buộc ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hà Thị Kim C số tiền gốc là 20.000.00 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/8/2016 cho đến ngày 20/9/2018 với mức lãi suất là 0,75%/tháng/20.000.000 đồng, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 20.000.000 đồng x 0,75% x 25 tháng = 3.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hà Thị Kim C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K, yêu cầu của bà C được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K cư trú tại Ấp 8, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về số tiền gốc:

Giữa nguyên đơn và bị đơn khẳng định có quan hệ cho và vay 2 lần tiền với tổng số tiền gốc là 20.000.000 đồng (mỗi lần vay là 10.000.000 đồng). Nguyên đơn khẳng định số tiền gốc 20.000.000 đồng là vay của một người khác để cho bị đơn vay lại nên khi bị đơn không trả được tiền lãi cho nguyên đơn thì bị đơn có nhờ nguyên đơn đi vay số tiền 10.000.000 đồng để bù vào số tiền lãi mà bị đơn không trả được, sau đó giữa nguyên đơn và bị đơn mới chốt lại số tiền gốc còn nợ lại là 30.000.000 đồng theo giấy cam kết. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận có nhờ nguyên đơn đi vay số tiền 10.000.000 đồng để bù vào số tiền lãi mà bị đơn không trả được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã vay của người khác 10.000.000 đồng để bù vào số tiền lãi mà bị đơn không trả được. Do đó, có đủ cơ sở xác định số tiền gốc mà nguyên đơn cho bị đơn vay là 20.000.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 20.000.000 đồng

[2.2] Về thời hạn vay tiền:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều không nhớ rõ về thời gian cho và vay tiền, cũng không thống nhất về thời gian cho và vay tiền. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì 1 tháng tiền lãi là 40.000 đồng, tương đương với tiền lãi 1 tháng là 4% x 20.000.000đồng = 800.000đồng, đồng thời giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận

số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc tính đến ngày 20/8/2016 là 11.800.000 đồng. Căn cứ vào thỏa thuận trên xác định số tiền lãi 11.800.000 đồng tương đương với 15 tháng tiền lãi của số tiền gốc 20.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định thời hạn nguyên đơn, bị đơn bắt đầu thỏa thuận cho và vay tiền là vào đầu tháng 5 năm 2015, đồng thời phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[2.3] Về tiền lãi:

Từ khi vay cho đến tháng 8/2016, bị đơn xác định đã trả cho nguyên đơn 04 lần tiền lãi với tổng số tiền là 15.800.000 đồng, khi trả không có làm giấy tờ gì. Nguyên đơn thừa nhận từ khoảng tháng 6/2015 đến tháng 8/2016 đã nhận của bị đơn 02 lần tiền lãi với tổng số tiền lãi là 3.800.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 15.800.000 đồng. Vì vậy, cần xác định số tiền lãi từ khi vay cho đến tháng 8/2016, bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 3.800.000 đồng

Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *"Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*. Đồng thời theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: "*Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*"

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 0,75 %/ tháng.

Mức lãi suất tính từ tháng 5 năm 2015 cho đến tháng 8 năm 2016 do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận 4%/ tháng là vượt quá mức lãi suất của pháp luật quy định. Vì vậy, cần điều chỉnh mức lãi suất theo đúng quy định như sau: 0,75 x 150% /tháng= 1,125%/tháng. Cụ thể số tiền lãi được tính từ tháng 5/2015 đến tháng 8/2016 được tính như sau: 20.000.000 đồng x 1,125% x 15 tháng = 3.375.000 đồng. Do số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận (3.800.000 đồng) vượt quá quy định của pháp luật. Vì vậy, cần khấu trừ số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận vượt quá với số tiền là 425.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2016 cho đến ngày 20 tháng 9 năm 2018 với mức lãi suất là 0,9%/tháng/30.000.000 đồng, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 30.000.000 đồng x 0,9% x 25 tháng = 6.750.000 đồng. Tuy nhiên do số tiền gốc các bên cho nhau vay như xác định ở trên là 20.000.000 đồng, đồng thời tại phiên tòa bị đơn đồng ý trả lãi suất từ ngày 20/8/2016 đến ngày 20/9/2018, nhưng chỉ đồng ý trả tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước. Theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *"Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ về lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian vay tại thời điểm trả nợ"*. Vì vậy, số tiền lãi được tính như sau: 20.000.000 đồng x 0,75% x 25 tháng = 3.750.000 đồng. Do số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn từ tháng

5/2015 đến tháng 8/2016 vượt quá với số tiền lãi là 425.000 đồng nên phải khấu trừ số tiền lãi mà bị đơn có nghĩa vụ phải trả là: 3.750.000đồng – 425.000đồng = 3.325.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 3.325.000 đồng.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Hà Thị Kim C, buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K liên đới trả cho bà Hà Thị Kim C số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 3.325.000 đồng, tổng cộng là 23.325.000 đồng

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận".*

Bà Hà Thị Kim C phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là 13.425.000 đồng x 5% = 671.250 đồng

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 23.325.000 đồng x 5% = 1.166.250 đồng

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476 và Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim C

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K liên đới trả cho bà Hà Thị Kim C tổng số tiền 23.325.000 đồng *(Hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*, trong đó: số tiền gốc là 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)*, số tiền lãi là: 3.325.000 đồng *(Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Kim C phải chịu 671.250 đồng *(Sáu trăm bảy mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng)*. Sau khi khấu trừ , C cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà Hà Thị Kim C số tiền 228.900 đồng *(Hai trăm hai mươi tám ngàn chín trăm đồng)*. Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K liên

đới chịu 1.166.250 đồng *(Một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng)*.

3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *THADS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh